

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi  
con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tạo.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý theo thủ tục rút gọn số: 450/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử rút gọn số: 191/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 , giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1980 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

**- *Bị đơn:*** Ông Huỳnh Văn V (V), sinh năm 1979 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Lâm Thị Đ trình bày yêu cầu:*

**- Về hôn nhân:** Bà Đ và ông V kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 09 tháng 02 năm 2011. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau và hiện tại bà Đ và

ông V đã sống ly thân. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, không thể duy trì cuộc sống vợ chồng nên bà Lâm Thị Đ xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn V.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Nguyên B, sinh ngày 12/8/2005 (nam) và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012 (nữ), hiện các con đang học đại học và sống chung với ông bà nội. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con là cháu B và cháu Tr, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Đ và ông V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu, nợ trả: Bà Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại biên bản hòa giải ngày 01 tháng 7 năm 2020 thể hiện, bị đơn ông Huỳnh Văn V trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông V thống nhất với lời trình bày của bà Đ, ông V và bà Đ kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 09 tháng 02 năm 2011. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau và hiện tại ông V, bà Đ cũng đã sống ly thân. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, không thể duy trì cuộc sống vợ chồng nên ông Huỳnh Văn V đồng ý ly hôn với bà Lâm Thị Đ.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Nguyên B, sinh ngày 12/8/2005 (nam) và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012 (nữ), các con sống chung với ông V nhưng do ông V đi làm xa nên các cháu ở nhà với ông bà nội. Khi ly hôn, ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con là cháu B và cháu Tr, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông V và bà Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu, nợ trả: Ông V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

*\* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nên không có kiến nghị.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh V do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh V cũng đồng ý ly hôn với chị Đ nên áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh V. Về con chung: Chị Đ yêu cầu được nuôi Huỳnh Nguyên B, sinh ngày 12/8/2005 (nam) và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012 (nữ), anh V cũng yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của hai cháu đều xác định muốn được ở với cha. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị giao cháu Huỳnh Nguyên B, sinh ngày 12/8/2005 (nam) và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012 (nữ) cho anh V nuôi, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ và bị đơn ông Huỳnh Văn V có yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

#### **Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Đ và ông Huỳnh Văn V kết hôn với nhau từ năm 2011, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 09 tháng 02 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Đ và ông V được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà Đ và ông V trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, dần dần mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được và hiện tại bà Đ, ông V cũng đã sống ly thân với nhau. Bà Đ và ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung

không đạt được hạnh phúc, không thể duy trì cuộc sống vợ chồng nên trước yêu cầu ly hôn của bà Đ thì ông V đồng ý ly hôn với bà Đ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà Đ và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ. Bà Đ được ly hôn với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Bà Đ và ông V xác định có 02 người con chung tên Huỳnh Nguyên B, sinh ngày 12/8/2005 (nam) và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012 (nữ). Thời gian bà Đ và ông V sống ly thân thì các con sống chung với ông V nên khi ly hôn, ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con là cháu B và cháu Tr. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp và ghi ý kiến nguyện vọng của cháu B và cháu Tr thì các cháu có nguyện vọng sống chung với cha nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao các cháu Huỳnh Nguyên B, sinh ngày 12/8/2005 (nam) và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012 (nữ) cho ông Huỳnh Văn V tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Bà Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí; Do vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn nên bà Đ phải chịu nộp 50% là 150.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### *Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị Đ. Bà Lâm Thị Đ được ly hôn với ông Huỳnh Văn V (V).

2. Về nuôi con chung: Giao cho ông Huỳnh Văn V (V) tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu Huỳnh Nguyên B, sinh ngày 12/8/2005 (nam) và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 18/8/2012 (nữ).

Bà Lâm Thị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng; Do vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn nên bà Đ phải chịu nộp 50% là 150.000 đồng, bà Đ có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003873 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ, sau khi khấu trừ bà Đ được nhận lại 150.000 đồng.

*“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.*

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tạo**